

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21/3/2025
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Niê Y Ling (Ma Bin) và ông Phạm Xuân Lai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Luân – Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10/10/2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2025 của TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Tất T, sinh năm 1990; đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Phú Yên; hiện ở tại: Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 thuộc PC 04 Công an tỉnh Đ; địa chỉ: B + 25, xã S, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 01/10/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và ông Đặng Tất T (viết tắt là bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng

đến năm 2023 thì vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến sống ly thân từ tháng 8 năm 2024 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Về con chung: Có 01 con chung: Đặng Nguyễn Trà M, sinh ngày 09/7/2014; khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy nên Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng và yêu cầu bị đơn trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không trình bày rõ quan điểm có đồng ý ly hôn hay không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, con chung, tài sản chung; bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Sông Hình phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Đặng Nguyễn Trà M, sinh ngày 09/7/2014; con có nguyện vọng được sống với mẹ và anh T hiện đang cai nghiện không có điều chăm sóc con nên đề nghị giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: huyện S, tỉnh Phú Yên theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 67 quyển số 01/2013 nên xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng của tòa cho bị đơn. Nhưng bị đơn đang cai nghiện tại cơ sở cai nghiện theo quy định pháp luật. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì lý do vợ chồng sống không có hạnh phúc, đã ly thân, không còn tình cảm với nhau là phù hợp với Biên bản xác minh ngày 14/02/2025 tại Hội phụ nữ xã Đ.

Từ căn cứ trên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về con chung:

Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung: Đặng Nguyễn Trà M, sinh ngày 09/7/2014. Xét nguyện vọng của cháu M khi cha mẹ ly hôn mong muốn được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Đặng Nguyễn Trà M, sinh ngày 09/7/2014 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân & gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001911 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn

nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị N được ly hôn bị đơn Đặng Tất T.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Nguyễn Trà M, sinh ngày 09/7/2014 cho nguyên đơn Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi cần thiết, cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về cấp dưỡng, tài sản chung: Đương sự không có đơn yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0001911 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- UBND xã Bàu Cạn, h. Long Thành, t. Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

BÀN THỊ TIÊN